

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

MÃ MÔN:

TÊN MÔN:

Ngày thi: 23/04/2013

BẢNG GHI ĐIỂM N17KDN
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

IS 2252

Tín chỉ: 3

Học kì: 3

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ		
				10%					30%	60%	100%		
					1	1	1						
1	1713219820	Cung Đình An	N17KDN1	10	9	9	10		9.3	8.3	8.8	Tám phẩy Tám	
2	1713219821	Lê Đình An	N17KDN1	8	6	6.5	9		7.2	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
3	1712219828	Nguyễn Văn Anh	N17KDN1	9	8.5	8	9		8.5	5.9	7.0	Bảy	
4	1712219829	Trần Thị Bé	N17KDN1	6	5	5	6.5		5.5	7.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
5	1713219835	Lê Hùng Cường	N17KDN1	10	6	8	9		7.7	6.3	7.1	Bảy phẩy Một	
6	1712219841	Hồ Thị Dung	N17KDN1	10	5.5	8	6		6.5	8.3	7.9	Bảy phẩy Chín	
7	1712219840	Đậu Thị Thùy	N17KDN1	10	7.5	8	8		7.8	7.3	7.7	Bảy phẩy Bảy	
8	1712219844	Mai Thị Dương	N17KDN1	7	7	6.5	5.5		6.3	7.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
9	1712219847	Cao Thị Minh	N17KDN1	10	7.5	8	6		7.2	6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
10	1712219851	Lê Nguyễn Mỹ Hạnh	N17KDN1	10	8.5	7.5	6		7.3	8.6	8.4	Tám phẩy Bốn	
11	1713219852	Trần Hữu Hậu	N17KDN1	8	6.5	7	8		7.2	6.3	6.7	Sáu phẩy Bảy	
12	1712219857	Vương Thị Yến Hồng	N17KDN1	8	6.5	7.5	8.5		7.5	5.8	6.5	Sáu phẩy Năm	
13	1713219869	Nguyễn Anh Minh	N17KDN1	10	7	8	8.5		7.8	5.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
14	1712219877	Phạm Thị Hồng Nhung	N17KDN1	8	8.5	5.5	8.5		7.5	5.8	6.5	Sáu phẩy Năm	
15	1712219878	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	N17KDN1	7	6.5	5.5	8.5		6.8	5.5	6.0	Sáu	
16	1713219879	Phạm Thanh Phong	N17KDN1	10	7	7.5	7.5		7.3	6.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
17	1713219889	Đinh Chí Thảo	N17KDN1	9	7.5	6	7.5		7.0	6.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
18	1712219897	Phạm Thị Anh Thương	N17KDN1	9	7.5	6.5	5		6.3	6.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
19	1712219900	Cao Thị Thanh Thủy	N17KDN1	10	7	7.5	7.5		7.3	6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
20	1712219903	Hồ Thị Thủy Tiên	N17KDN1	0	0	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
21	1712219907	Nguyễn Lê Quỳnh Trang	N17KDN1	10	7	7.5	5		6.5	6.9	7.1	Bảy phẩy Một	
22	1713219911	Nguyễn Ngọc Tú	N17KDN1	10	7.5	7.5	6.5		7.2	6.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
23	1713219917	Nguyễn Quốc Việt	N17KDN1	4	5	1	1		2.3	V	0.0	Không	Cấm thi,
24	1712219825	Trần Thị Kim Anh	N17KDN1	10	6	8.5	5.5		6.7	6.9	7.2	Bảy phẩy Hai	
25	1712219830	Nguyễn Ngọc Bích	N17KDN1	7	6.5	5.5	5		5.7	6.7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
26	1713219832	Trần Minh Cang	N17KDN1	10	6.5	7	7		6.8	6.4	6.9	Sáu phẩy Chín	
27	1712219833	Ngô Thị Lan Chi	N17KDN1	10	6	8	7.5		7.2	6.4	7.0	Bảy	
28	1713219842	Nguyễn Việt Dũng	N17KDN1	6	5.5	5	5		5.2	5.2	5.3	Năm phẩy Ba	
29	1713219854	Đặng Trung Hiếu	N17KDN1	10	8	8	7.5		7.8	5.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
30	1713219867	Lê Vũ Lương	N17KDN1	9	7	7	7		7.0	5.0	6.0	Sáu	
31	1713219870	Lưu Ngọc Minh	N17KDN1	10	6.5	8	8		7.5	3.5	0.0	Không	
32	1712219873	Võ Thị Quỳnh Ngân	N17KDN1	10	7.5	7	8		7.5	5.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
33	1712219875	Nguyễn Thị Nhi	N17KDN1	9	6	6	7.5		6.5	5.1	5.9	Năm phẩy Chín	
34	1712219880	Phạm Thị Ánh Phúc	N17KDN1	10	7	8	7.5		7.5	6.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
35	1712219885	Lê Thị Thu Sang	N17KDN1	10	7.5	8.5	8		8.0	5.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
36	1712219888	Nguyễn Thị Bích Thành	N17KDN1	10	7	8	5.5		6.8	5.0	6.0	Sáu	
37	1712219890	Nguyễn Thị Nam Thảo	N17KDN1	9	7	8	6		7.0	5.0	6.0	Sáu	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

MÃ MÔN:

TÊN MÔN:

Ngày thi: 23/04/2013

BẢNG GHI ĐIỂM N17KDN
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

IS 2252

Tín chỉ: 3

Học kì: 3

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
38	1713219891	Võ Nguyễn Minh	Thiên	N17KDN1	8	5.5	5.5	5.5		5.5	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	
39	1712219901	Bùi Thị	Thủy	N17KDN1	10	5.5	7	5.5		6.0	5.3	6.0	Sáu	
40	1712219902	Nguyễn Thị Thu	Thủy	N17KDN1	10	6.5	5	5.5		5.7	5.6	6.1	Sáu phẩy Một	
41	1712219914	Hồ Thị Ánh	Tuyết	N17KDN1	10	6	7	5		6.0	5.4	6.0	Sáu	
42	1713219919	Phan Thanh	Vũ	N17KDN1	8	3.5	6.5	5.5		5.2	5.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
43	1713219824	Nguyễn Hồng	Anh	N17KDN2	10	7	7	5		6.3	5.0	5.9	Năm phẩy Chín	
44	1713219837	Nguyễn Anh	Đức	N17KDN2	6	6.5	5	6		5.8	6.0	5.9	Năm phẩy Chín	
45	1713219836	Phan Minh Giác	Đức	N17KDN2	10	6	5	7		6.0	6.9	6.9	Sáu phẩy Chín	
46	1712219846	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	N17KDN2	6	7.5	5	6		6.2	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	
47	1712219850	Bùi Diễm	Hằng	N17KDN2	5	8.5	5.5	6		6.7	4.0	0.0	Không	
48	1713219856	Trần Nhật	Hoàng	N17KDN2	0	0	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
49	1712219859	Lê Phan Thùy	Hương	N17KDN2	9	6.5	8	7.5		7.3	5.0	6.1	Sáu phẩy Một	
50	1712219881	Phí Thị Minh	Phương	N17KDN2	9	6	7.5	5.5		6.3	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
51	1713219887	Nguyễn Văn	Sơn	N17KDN2	9	7.5	5	5.5		6.0	6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
52	1713114743	Nguyễn Hà Công	Thành	N17KDN2	9	6	5.5	5.5		5.7	5.8	6.1	Sáu phẩy Một	
53	1712219892	Nguyễn Thị Kim	Thoa	N17KDN2	9	8	5	7		6.7	6.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
54	1712219896	Nguyễn Thị	Thương	N17KDN2	9	8	9	8		8.3	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
55	1713219906	Phan Thanh	Toàn	N17KDN2	10	6	8	8		7.3	6.8	7.3	Bảy phẩy Ba	
56	1712219908	Nguyễn Thị	Trang	N17KDN2	8	6.5	8	8		7.5	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
57	1713219913	Hoàng Minh	Tuấn	N17KDN2	7	6	5.5	5.5		5.7	6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
58	1712219916	Nguyễn Thị Thanh	Vân	N17KDN2	10	8.5	9	9		8.8	7.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
59	1712219921	Nguyễn Thị Thảo	Vy	N17KDN2	8	7.5	6.5	8		7.3	6.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
60	1713219827	Trần Thế	Anh	N17KDN2	10	7	8	9		8.0	6.0	7.0	Bảy	
61	1712219831	Phạm Thị	Bốn	N17KDN2	10	8.5	7.5	8		8.0	5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
62	1713219845	Trần	Duy	N17KDN2	10	6.5	8	5		6.5	5.3	6.1	Sáu phẩy Một	
63	1712219848	Phạm Trần Thu	Hà	N17KDN2	10	6.5	8	7.5		7.3	6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
64	1712219849	Vương Mỹ	Hằng	N17KDN2	6	6	5.5	5		5.5	5.8	5.7	Năm phẩy Bảy	
65	1712219860	Đinh Thị Thu	Hương	N17KDN2	7	5.5	3.5	6		5.0	5.8	5.7	Năm phẩy Bảy	
66	1712219863	Võ Thị Mỹ	Linh	N17KDN2	9	6.5	7.5	7		7.0	8.5	8.1	Tám phẩy Một	
67	1712219871	Nguyễn Thị Trúc	My	N17KDN2	9	7	5.5	7		6.5	7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
68	1712219876	Huỳnh Nguyễn Hoài	Như	N17KDN2	7	6.5	5.5	6		6.0	6.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
69	1713219884	Lê Viết Hoàn	Sang	N17KDN2	6	5.5	5	7.5		6.0	V	0.0	Không	
70	1712219894	Võ Thị Hoài	Thu	N17KDN2	10	7.5	7.5	7		7.3	8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
71	1712219898	Đậu Thị Thu	Thúy	N17KDN2	10	8	8.5	8		8.2	8.3	8.4	Tám phẩy Bốn	
72	1712219899	Trần Thị	Thùy	N17KDN2	8	7	5	6		6.0	6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
73	1712219904	Trần Lê Thùy	Tiên	N17KDN2	6	6.5	5	5.5		5.7	6.0	5.9	Năm phẩy Chín	
74	1713219905	Nguyễn Tấn	Toàn	N17KDN2	10	6	8	7.5		7.2	5.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
75	1713219909	Lê Quang	Trí	N17KDN2	0	0	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
76	1713219912	Nguyễn Lê Anh	Tú	N17KDN2	10	7	7.5	5.5		6.7	7.1	7.3	Bảy phẩy Ba	

MÃ MÔN: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN
TÊN MÔN: IS 2252

Tín chỉ: 3
Học kì: 3
Lần thi: 1

Ngày thi: 23/04/2013

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
77	1713219918	Phạm Thanh Việt	N17KDN2	6	7.5	3.5	5		5.3	6.3	6.0	Sáu	
78	1713219922	Phan Nhật Vỹ	N17KDN2	0	0	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	70	90%	
2	Số sinh viên nợ	8	10%	
TỔNG CỘNG :		78	100%	

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú